

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14a/2022/DS-ST

Ngày: 06-5-2022

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM,
TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thiên Quan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Tố Trinh

2. Ông Trần Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Cốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Tường Vy - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 256/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ: Số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc V – Chuyên viên xử lý nợ Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh tỉnh Ninh Thuận. (Có mặt)

Theo Giấy ủy quyền số 3977/2020/QĐ-PL ngày 28 tháng 12 năm 2020, và số 83/2021/GUQ-CNNT ngày 14-10-2021.

Bị đơn: Ông Mai Trọng H, sinh năm: 1987. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 415 đường 21/8, khu phố 2, phường Phước M, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14-10-2021, bản tự khai ngày 21-02-2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Ngọc V trình bày:

Ngày 21-03-2018 ông Mai Trọng H có ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng JCB (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của ông Mai Trọng H, Ngân hàng đã đồng ý cấp Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 12.000.000 đồng (*Mười hai triệu đồng*) lãi suất 2.5%/Tháng, đến ngày 15-08-2019 điều chỉnh lãi suất 2.6%/Tháng, với mục đích vay tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng ông Mai Trọng H đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 26.276.500 đồng.

Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ông Mai Trọng H phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông Mai Trọng H đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 23.650.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước;
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước;
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước;
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ;
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ;
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông Mai Trọng H vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông Mai Trọng H vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) nên ngày 31-07-2020, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 14.854.281 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 06-5-2022, ông Mai Trọng H còn nợ số tiền gốc: 14.854.281 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 12.436.284 đồng. Tổng cộng: 27.290.565 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*).

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 14.854.281 đồng với lãi suất quá hạn là 3.9%/ tháng ($2.6\% \times 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại là 644 ngày. Lãi suất quá hạn được tính như sau:

Lãi suất 1 ngày là: $14.854.281 \text{ đồng} \times (2.6\% \times 150\%) : 30 \text{ ngày} = 19.311 \text{ đồng}$.

Lãi quá hạn là: $19.311 \text{ đồng} \times 644 \text{ ngày} = 12.436.284 \text{ đồng}$.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc với ông Mai Trọng H, yêu cầu ông có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để ông trả nợ, tuy nhiên ông Mai Trọng H vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng Thương mại Cổ phần S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Mai Trọng H:

Yêu cầu ông Mai Trọng H phải trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 06-5-2022 là 27.290.565 đồng, trong đó nợ gốc là: 14.854.281 đồng, nợ tiền lãi quá hạn: 12.436.284 đồng.

Yêu cầu ông Mai Trọng H phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2022 theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả hết nợ gốc.

Bị đơn ông Mai Trọng H vắng mặt.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70 và 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp thì việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại phường Phước M, thành phố P nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm được quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Mai Trọng H đều vắng mặt không có lý do. Điều này chứng tỏ ông H đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 09-7-2019 và các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng của Ngân hàng, thu nhập của ông Mai Trọng H, các bảng sao kê giao dịch thẻ tín dụng của Ngân hàng, Quyết định ban hành biểu phí sản phẩm dịch vụ thẻ Sacombank phát hành tại Việt Nam, Thông báo gia tăng tiện ích cho sản phẩm thẻ tín dụng JCB, đủ cơ sở xác định Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho ông Mai Trọng H với hạn mức sử dụng thẻ là 12.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 2,5%/tháng, từ ngày 15-8-2019 lãi suất vay là 2,6%/tháng. Tính đến ngày 06-5-2022 ông Mai Trọng H còn nợ Ngân hàng số tiền gốc: 14.854.281 đồng. Số tiền lãi quá hạn: 12.436.284 đồng. Tổng cộng: 27.290.565 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*).

Do ông Mai Trọng H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Huy phải trả số tiền nợ tính đến ngày 06-5-2022 là 27.290.565 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là: 14.854.281 đồng, nợ lãi là 12.436.284 đồng và yêu cầu ông Huy tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 07-5-2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo mức lãi suất thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành thẻ tín dụng là có căn cứ, phù hợp các Điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp với những nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, các Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

2. Buộc ông Mai Trọng H phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền còn nợ tính đến ngày 06-5-2022 là 27.290.565 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu, hai trăm chín mươi ngàn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là: 14.854.281 đồng (mười bốn triệu, tám trăm năm mươi bốn ngàn, hai trăm tám mươi một đồng), nợ lãi là 12.436.284 đồng (mười hai triệu, bốn trăm ba mươi sáu ngàn, hai trăm tám mươi bốn đồng).

3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ngày 07-5-2022, ông Mai Trọng H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với số tiền nợ gốc theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 21-3-2018 và các điều khoản và điều kiện thẻ tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ông Mai Trọng H phải chịu 1.365.000 đồng (Một triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Sài Gòn Thương Tín không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 583.000 đồng (Năm trăm tám mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003578 ngày 19-10-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thiên Quan